

BỘ VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH
Số: 02/2018/TT-
BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu môn Karate.
- Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Karate được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu và tổ chức tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị luyện tập

1. Cơ sở vật chất:

- a) Có sàn tập diện tích ít nhất $60m^2$ trở lên; mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;
- b) Có ánh sáng tối thiểu là 200 lux;
- c) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng được phép tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ luyện tập, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

2. Trang thiết bị:

- a) Có võ phục chuyên môn Karate; găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lămpơ);
- b) Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;
- c) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

Điều 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất:

- a) Thảm hình vuông có chiều dài mỗi cạnh từ 10m đến 12m;
- b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Trang thiết bị:

- a) Bảo vệ cơ thể, bịt răng, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể, cồng và cờ trọng tài gồm hai màu xanh và màu đỏ;
- b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Mật độ tập luyện

- 1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất $03m^2$ /01 võ sinh.
- 2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập.

Điều 6. Tập huấn nhân viên chuyên môn